CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO TRÌ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
Trụ sở: Lầu 1, Số 788/51C Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel: 08.66749689, 0913771002, Fax: 08.62835279, MST: 0305901954
Web: http://www.vanduongong.com, Emai:baotri.kythuat@gmail.com

MẶT BÍCH JIS

- Mặt bích theo tiêu chuẩn JIS - Nhật Bản được sử dụng trong hệ thống cấp thoát nước, ngành công nghiệp đóng tàu, hệ thống lò hơi, PCCC, …
- Kích cỡ: DN 10 - DN 500 (0.375" - 20")
- Áp suất làm việc: 5K, 10K, 16K, 20K
- Chất liệu: thép A 105

STT	SIZE		Thông số kỹ thuật mặt bích tiêu chuẩn JIS 10K				
	inch	mm	ĐKN	ĐKT	Tâm lỗ	Số lỗ	ĐK lỗ
1	0.375	10	90	18	65	4	15
2	0.5	15	95	22.5	70	4	15
3	0.75	20	100	28	75	4	15
4	1	25	125	34.5	90	4	19
5	1*1/4	32	135	43.5	100	4	19
6	1*1/2	40	140	50	105	4	19
7	2	50	155	61.5	120	4	19
8	2*1/2	65	175	77.5	140	4	19
9	3	80	185	90	150	8	19
10	4	100	210	116	175	8	19
11	5	125	250	142	210	8	23
12	6	150	280	167	240	8	23
13	8	200	330	218	290	12	23
14	10	250	400	270	355	12	25
15	12	300	445	320	400	16	25
16	14	350	490	358	445	16	25
17	16	400	560	409	510	16	27
18	18	450	620	459	565	20	27
19	20	500	675	510	620	20	27

MẶT BÍCH BS

* Mặt bích theo tiêu chuẩn BS - Anh được sử dụng trong hệ thống cấp thoát nước, hệ thống PCCC, hệ thống điện lạnh và một số hệ thống công nghiệp khác.
* Kích cỡ: DN 15 - DN 1000 (0.5" - 40")
* Áp suất làm việc: 5 - 25 kg/cm^3

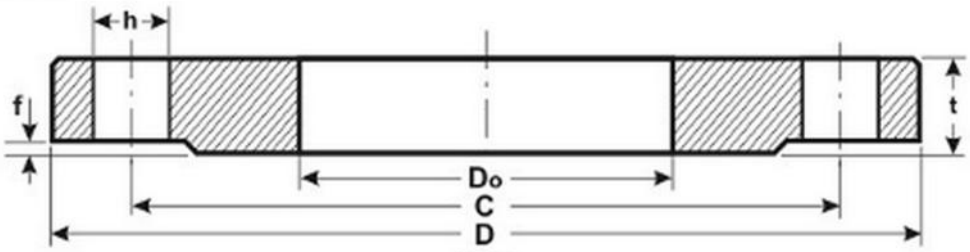

RF

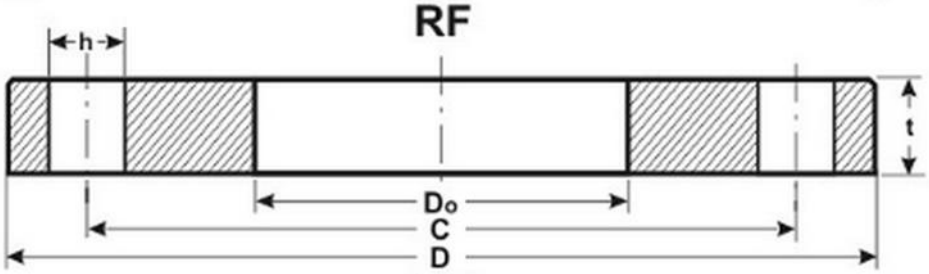

FF

STT	SIZE		Thông số kỹ thuật mặt bích tiêu chuẩn BS 4504-PN 10				
	inch	mm	ĐKN	ĐKT	Tâm lỗ	Số lỗ	ĐK lỗ
1	0.5	15	95	22.5	65	4	14
2	0.75	20	105	28	75	4	14
3	1	25	115	34.5	85	4	14
4	1*1/4	32	140	43.5	100	4	18
5	1*1/2	40	150	48	110	4	18
6	2	50	165	61.5	125	4	18
7	2*1/2	65	180	77.5	145	4	18
8	3	80	195	90	160	4	18
9	4	100	215	116	180	8	18
10	5	125	245	142	210	8	18
11	6	150	280	167	240	8	23
12	8	200	355	218	295	8	23
13	10	250	405	270	355	12	23
14	12	300	440	320	400	12	23
15	14	350	500	358	460	16	23
16	16	400	565	409	515	16	25
17	18	450	615	459	565	20	25
18	20	500	670	510	620	20	25
19	24	600	780		725	20	30
20	28	700	895		840	24	30
21	32	800	1010		950	23	34
22	40	1000	1220		1160	28	34

STT	SIZE		Thông số kỹ thuật mặt bích tiêu chuẩn BS 4504-PN 16				
	inch	mm	ĐKN	ĐKT	Tâm lỗ	Số lỗ	ĐK lỗ
1	0.5	15	95	22	65	4	14
2	0.75	20	105	27.5	75	4	14
3	1	25	115	34.5	85	4	14
4	1*1/4	32	140	43.5	100	4	18
5	1*1/2	40	150	49.5	110	4	18
6	2	50	165	61.5	125	4	18
7	2*1/2	65	185	77.5	145	8	18
8	3	80	200	90.5	160	8	18
9	4	100	220	116	180	8	18
10	5	125	250	141.5	210	8	18
11	6	150	285	170.5	240	8	22
12	8	200	340	221.5	295	12	22
13	10	250	405	276.5	355	12	26
14	12	300	460	327.5	400	12	26
15	14	350	520	359	470	16	26
16	16	400	580	411	525	16	30
17	18	450	640	462	585	20	33
18	20	500	715	513.5	650	20	36
19	24	600	840	616.5	770	20	36
20	28	700	910		840	24	36
21	32	800	1025		950	24	39
22	40	1000	1255		1170	28	42

MẶT BÍCH ANSI

* Mặt bích theo tiêu chuẩn Ansi B 16.5 - Mỹ dùng cho ngành công nghiệp hoá dầu, công nghiệp lò hơi, các hệ thống công nghiệp khác.
* Kích cỡ: 0.5" - 24"
* Áp suất làm việc: #150 - #300
* Chất liệu: thép A_{105}

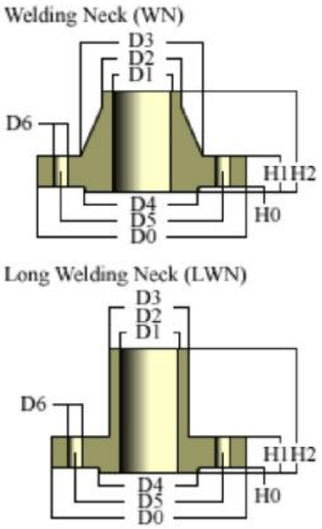

OD	D0	D1	D2	D3	D4	D5	D6	H0	H1	H2	Số lỗ bulon	khối lượng
inch	mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm		kg
0.5	89	12.7	30.5	30.5	35	60.3	15.9	1.6	11.1	0	4	0.4
0.75	98	19	38	38	43	69.8	15.9	1.6	12.7	0	4	0.6
1	108	25.4	51	51	51	79.4	15.9	1.6	14.3	0		0.8
1.25	117	31.8	60.5	60.5	64	88.9	15.9	1.6	15.9	0	4	1.1
1.5	127	38	67	67	73	98.4	15.9	1.6	17.5	0	4	1.4
2	152	50.8	82.5	82.5	92	129.6	19.1	1.6	19	0	4	2.1
2.5	178	63.5	95.5	95.5	105	139.7	19.1	1.6	22.2	0	4	3.4
3	190	76.2	108	108	127	152.4	19.1	1.6	23.8	0	4	4
3.5	216	88.9	124	124	140	177.8	19.1	1.6	23.8	0	8	5
4	229	101.6	140	140	157	190.5	19.1	1.6	23.8	0	8	5.5
5	254	127	165	165	186	215.9	22.2	1.6	23.8	0	8	6.3
6	279	152.4	197	197	216	241.3	22.2	1.6	25.4	0	8	7.7
8	343	203.2	248	248	270	298.4	22.2	1.6	28.6	0	8	12.4
10	406	254	305	305	324	362	25.4	1.6	30.2	0	12	16.7
12	483	304.8	365	365	381	413.8	25.4	1.6	31.8	0	12	25.2
14	533	355.6	406.5	406.5	413	476.2	28.6	1.6	34.9	0	12	30.8
16	597	406.4	457	457	470	539.8	28.6	1.6	36.5	0	16	38.9
18	635	457.2	508	508	533.5	577.8	31.8	1.6	39.7	0	16	42.6
20	698	508	559	559	584	635	31.8	1.6	42.9	0	20	54
24	813	609.6	667	667	692	749.3	34.9	1.6	47.6	0	20	76.2